

# Triển khai thực hiện Hiệp định Tạo thuận lợi thương mại (ATF) Việt Nam – Các quy định thuộc phân nhóm B và C

15 – 16 /12 / 2014  
Hà Nội, Việt Nam

# 37 quy định sẽ được phân vào các nhóm A, B hoặc C

3 nhóm cam kết khác nhau: A, B & C

37 quy định được đưa ra trong Hiệp định Tạo thuận lợi thương mại của WTO (TFA)

Nhóm	Thời hạn	Điều kiện
A	Thời hạn có hiệu lực của Hiệp định	∅
B	(x) năm sau khi TFA có hiệu lực	∅
C	(x) năm sau khi TFA có hiệu lực	Hỗ trợ tài chính và kỹ thuật



Biện pháp #

# Khuôn khổ rà soát Cam kết TFA

## Mô tả biện pháp

## Trách nhiệm

Mô tả các yêu cầu chính được đưa ra trong quy định

Phân tích ngôn từ văn bản...

- (ví dụ: phải, có thể, khuyến khích...)

...để biết được mức độ bắt buộc tuân thủ

- Bắt buộc, tùy vào Nước Thành viên, nỗ lực, tùy thuộc vào điều kiện...

Không đề cập đến

Mô tả các yếu tố không cần thiết để đảm bảo sự tuân thủ quốc gia theo quy định

danh mục thực thi

Mô tả những điều cần thiết để đảm bảo sự tuân thủ theo quy định

# Các câu hỏi chính được thảo luận đối với mỗi biện pháp

- 1 Cơ quan của bạn đang thực hiện biện pháp này chưa?
- 2 Bạn có cần sự hỗ trợ bên ngoài để thực hiện biện pháp này không?
- 3 Biện pháp này thích hợp được xếp vào phân nhóm nào?
- 4 Cần bao nhiêu thời gian để thực hiện biện pháp này?  
Cần những nguồn nào để thực hiện biện pháp này?
- 5 Bộ/cơ quan nào phù hợp nhất để chủ trì và đảm bảo việc thực hiện biện pháp này?
- 6 Việc thực hiện biện pháp này quan trọng như thế nào đối với Chiến dịch phát triển trên toàn quốc?
- 7

# Phân nhóm của Việt Nam

- Việt Nam có 15 biện pháp hoàn toàn hoặc một phần xếp theo Nhóm A-thực thi ngay (theo phiên bản của WTO **WT/PCTF/N/VNM/1** ngày 31/7/ 2014)
- Cần đưa ra quyết định về việc phân nhóm các biện pháp không thuộc Nhóm A.

# Các quy định thuộc Nhóm A của Việt Nam

- Điều 1.3 Các điểm giải đáp
- Điều 1.4 Thông báo
- Điều 2.1 Cơ hội góp ý và thông tin trước khi có hiệu lực
- Điều 2.2 Tham vấn
- Điều 4.1 Quyền khiếu nại hoặc rà soát
- Điều 6.1 Các nguyên tắc chung về phí và lệ phí được áp hoặc liên quan đến nhập khẩu và xuất khẩu
- Điều 6.2 Các nguyên tắc cụ thể về phí và lệ phí được áp hoặc liên quan đến nhập khẩu và xuất khẩu
- Điều 7.8 Hàng hóa được thúc đẩy thông quan

# Các quy định thuộc Nhóm A của Việt Nam

- Điều 9 Vận chuyển hàng hóa dưới sự kiểm soát hải quan đối với nhập khẩu
- Điều 10.1 Các thủ tục và yêu cầu chứng từ
- Điều 10.2 Chấp nhận bản sao
- Điều 10.6 Áp dụng Đại lý Hải quan
- Điều 10.7 Thủ tục biên giới chung và yêu cầu chứng từ thống nhất
- Điều 11.1-3 Phí, quy định và thủ tục quá cảnh
- Điều 11.4 Không phân biệt trong quá cảnh

# Phân nhóm của Việt Nam

- Có 22 biện pháp trong Hiệp định TF được xếp vào Nhóm B và C

Các biện pháp bao gồm:



# 1

## Điều 1.1 – Công bố

# Điều 1.1 – Công bố

## Mô tả biện pháp

**Nhanh chóng công bố** (ví dụ: in ra văn bản) thông tin liên quan đến thương mại với điều kiện **không phân biệt và dễ tiếp cận** đối với công chúng nói chung

- Văn bản liệt kê ra thông tin cần được công bố (cụ thể được nêu ở Slide số 2)
- Công bố tất cả các thông tin yêu cầu lên mạng và/hoặc trên Bảng thông báo của tạp chí chính thống có thể thực hiện được phụ thuộc vào thời gian, cách thức và thông tin có sẵn

## Trách nhiệm

**“phải”**

Bắt buộc thực hiện như mô tả











Chỉ ra Ủy ban mà thông tin được công bố

Xem biện pháp #4, Thông báo

**“phải”**

Bắt buộc thực hiện như mô tả

# Điều 1.1 – Công bố

-  Thủ tục xuất khẩu, nhập khẩu và quá cảnh
-  Mức thuế và phí được áp dụng
-  Phí và lệ phí
-  Quy tắc về phân loại hoặc xác định trị giá sản phẩm theo tiêu chí của hải quan;
-  Luật, quy định,... liên quan đến quy tắc xuất xứ;
-  Danh mục hạn chế hoặc cấm nhập khẩu, xuất khẩu hoặc quá cảnh;
-  Các quy định phạt đối với vi phạm các thủ tục nhập khẩu, xuất khẩu hoặc quá cảnh;
-  Thủ tục khiếu nại;
-  Các Thỏa thuận hoặc các phần Thỏa thuận song phương hoặc đa phương liên quan đến nhập khẩu, xuất khẩu hoặc quá cảnh;
-  Các thủ tục hành chính liên quan đến hạn ngạch thuế quan

# Điều 1.1 – Công bố

## Không đề cập đến

Không bắt buộc phải công bố bằng một trong các ngôn ngữ làm việc của **WTO**

**Không bắt buộc** phải công bố thông tin bằng cách thức tập trung

- Trừ khi cần thiết để thân thiện, không phân biệt và dễ tiếp cận thông tin cho người sử dụng

## danh mục thực thi

Cần có một **khuôn khổ thực thi quốc gia** để công bố thông tin chính thức như được nêu tại Điều 1, §1

Công bố **tất cả 10 mục** thông tin yêu cầu

Thông tin được công bố **nhANH chóng**

Thông tin được công bố **thận thiện, không phân biệt và dễ tiếp cận cho người dùng**

Địa điểm chính thức có thể tiếp cận công bố phải được thông báo cho Ủy ban Tạo thuận lợi thương mại WTO

# 2

## Điều 1.2 – Thông tin có sẵn trên mạng

# Điều 1.2 – Thông tin có sẵn trên mạng

## Mô tả biện pháp

**Công bố**, ít nhất, các mục sau **trên mạng**:

- Mô tả các thủ tục nhập khẩu, xuất khẩu & quá cảnh
- Thẻ thức và chứng từ
- Các bước thực tế cần thiết
- Thông tin liên hệ tại các điểm giải đáp
- Thủ tục khiếu nại hoặc rà soát

## Trách nhiệm

**“phải”**

Bắt buộc thực hiện như mô tả

**Cập nhật** thông tin được đề cập ở trên lên mạng

**“phải theo phạm vi có thể và phù hợp”<sup>2</sup>**

Thông tin có sẵn theo một trong các **ngôn ngữ của WTO**

**“phải tuân thủ bất cứ khi nào thực hiện”**

Đảm bảo tất cả các bước thực hiện để thực thi

**Thông tin liên quan đến thương mại khác** có sẵn trên mạng (ví dụ: tất cả các mục nêu tại Điều 1.1)

**“Được khuyến khích”**

Biện pháp nỗ lực tốt nhất

1. Biết rằng mỗi quốc gia có quyền tự định đoạt đối với thông báo các giới hạn pháp lý của bản mô tả thứ 2 này trên trang mạng. Thực hiện tất cả các bước có khả thi với sự linh hoạt trong biện pháp triển khai.

## Điều 1.2 – Thông tin có sẵn trên mạng

### Không đề cập đến

Không bắt buộc phải công bố thông tin trên một **trang mạng tập trung** hoặc cổng thông tin điện tử

### danh mục thực thi

Phải có **Khuôn khổ thực hiện quốc gia để công bố** thông tin được nêu tại Điều này lên mạng

**Tất cả các mục** thuộc thông tin cần thiết được công bố lên mạng **cũng như các bước thực hiện** cần thiết để nhập khẩu, xuất khẩu và quá cảnh

**URL(s)** của (các) trang mạng mà thông tin được công bố **phải được thông báo** cho Ủy ban Tạo thuận lợi thương mại của WTO

Thông tin **được công bố và cập nhật** khi được sửa đổi bổ sung, và nếu không, quốc gia đó phải giải thích tại sao thông tin đó không có sẵn hoặc không phù hợp

Tất cả các mục thông tin yêu cầu phải bằng một trong các **ngôn ngữ chính thức của WTO** nếu có thể

Việc đưa ra **giá trị pháp lý của thông tin** được công bố trên mạng phải được nêu/làm rõ

# 7

## Điều 3 – Xác định trước



# Điều 3 – Xác định trước

## Mô tả biện pháp

Các doanh nghiệp cung cấp, **tùy theo văn bản yêu cầu, thông tin có căn cứ và có liên quan** đến các nguyên tắc<sup>1</sup> hải quan **trước khi nhập khẩu/xuất khẩu**

Việc xác định **được ban hành kịp thời và có giá trị**, nếu bị thu hồi, trong **khoảng thời gian hợp lý**<sup>2</sup>

**Các điều kiện** để yêu cầu xác định trước, **thời gian cần thiết để ban hành xác định trước và công bố thời hạn có hiệu lực**

Xác định trước **liên quan đến Cơ quan Hải quan**<sup>3</sup>

1. 2 nguyên tắc là bắt buộc, những nguyên tắc khác tùy thuộc vào Nước Thành viên (xem Slide tiếp theo)
2. Khoảng thời gian hợp lý được Cơ quan Nhà nước quyết định
3. Và liên quan đến đăng ký của Nước Thành viên

Chú thích : các Thành viên được phép từ chối ban hành Xác định trước trong 2 trường hợp

## Trách nhiệm

**“Phải”**  
Bắt buộc phải thực hiện như mô tả

# Điều 3 – Xác định trước

## Mô tả biện pháp

Thương nhân được **thông báo** nếu cơ quan có thẩm quyền từ chối ban hành Xác định trước<sup>1</sup> hoặc quyết định thu hồi hoặc bổ sung Xác định trước **Xác định trước<sup>2</sup> được rà soát** theo yêu cầu bằng văn bản của thương nhân

**Công khai** bất cứ thông tin **có sẵn** nào về Xác định trước cho các bên liên quan

## Trách nhiệm

“**Phải**”



Bắt buộc phải thực hiện như mô tả

“**Được khuyến khích**”:





Việc thực hiện không bắt buộc, nhưng phải nỗ lực để thực biện pháp này

1. Các thành viên được cho phép để từ chối để ban hành một xác định trước theo 2 tình huống này (xem see § 2)
2. Cả kết luận thu hồi.

## Điều 3 – Quy định Hải quan về những trường hợp cung cấp Xác định trước

-  Phân loại thuế quan hàng hóa
-  Xuất xứ hàng hóa

“Phải”  
Bắt buộc thực hiện như mô tả

- 
-  Phương pháp hoặc tiêu chí thích hợp để xác định trị giá hải quan
  -  Các yêu cầu miễn giảm thuế hải quan
  -  Các yêu cầu về hạn ngạch, bao gồm hạn ngạch thuế quan
  -  Bất cứ vấn đề nào khác về Xác định trước theo quan điểm của Thành viên

“Được khuyến khích”:  
Biện pháp nỗ lực tốt nhất

## Điều 3 – Xác định trước

### Không đề cập đến

Biện pháp này không yêu cầu thiết lập một đơn vị chức năng riêng với nhân sự chuyên riêng biệt

- Tức là Xác định trước có thể được đơn vị và nhân sự hiện có ban hành

Biện pháp không yêu cầu đơn vị như nêu trên ở mọi Cơ quan (hải quan)

- Xác định trước có thể được Tổng cục Hải quan hoặc Cơ quan Hải quan khu vực, địa phương ban hành

**Xác định trước được ban hành kịp thời**, theo văn bản yêu cầu của người nộp đơn có nội dung liên quan đến phân loại thuế quan hàng hóa và xuất xứ hàng hóa<sup>1</sup>

Xác định trước **có giá trị trong một khoảng thời gian hợp lý**

**Thông báo** bằng văn bản được ban hành cho người đăng ký nếu xác định trước bị từ chối, thu hồi, sửa đổi hoặc không còn giá trị và phải bao gồm **lý do giải thích cho quyết định đó**

Xác định trước **liên quan đến Cơ quan Hải quan**

**Người đăng ký được quyền rà soát Xác định trước**, hoặc quyết định thu hồi, sửa đổi hoặc hết hạn Xác định trước

**Công bố** các yêu cầu để đăng ký Xác định trước (thông tin và thể thức), việc hoãn ban hành Xác định trước và thời hạn giá trị của Xác định trước

Cố gắng đưa ra thông tin liên quan đến Xác định trước **công khai có sẵn**

### danh mục thực thi

1. Và cố gắng cung cấp Xác định trước và phạm vi mở rộng các nguyên tắc Hải quan

# 9

## Điều 5.1 – Thông báo tăng cường kiểm soát hoặc kiểm tra

# Điều 5.1 – Thông báo tăng cường kiểm soát hoặc kiểm tra

## Mô tả biện pháp

Việc tăng cường mức độ kiểm soát và kiểm tra theo thông báo/hướng dẫn của Nước Thành viên tại cơ quan quản lý biên giới của Thành viên đó **được chấm dứt ngay khi**:

- Không còn hợp lý
- Rủi ro có thể được quản lý theo cách thức không phân biệt đối xử với thương nhân

**Thông tin về việc chấm dứt hoặc hoãn tăng cường kiểm soát/kiểm tra phải được công bố** theo cách thức **dễ tiếp cận và không phân biệt đối xử**

Ban hành thông báo hoặc hướng dẫn dựa trên **rủi ro**

Ban hành thông báo chỉ có thể áp dụng thống nhất **tại các điểm kiểm tra nhập có liên quan**

## Trách nhiệm

**“Phải”**

Bắt buộc thực hiện như mô tả

**“Phải, nếu cần”**

Bắt buộc thực hiện nhưng có thể linh hoạt tùy theo phương pháp thực hiện

**“Có thể”**

Quốc gia có quyền tự quyết định việc thực hiện vấn đề này

# Điều 5.1 – Thông báo tăng cường kiểm soát hoặc kiểm tra



Không áp dụng đối với tất cả Thành viên mà chỉ áp dụng đối với những Thành viên áp dụng hoặc dự định sẽ áp dụng tăng cường thông báo hoặc hướng dẫn. Phạm vi quy định được giới hạn đối với thực phẩm, đồ uống hoặc thức ăn chăn nuôi với mục tiêu nhằm bảo vệ cuộc sống hoặc sức khỏe con người, động vật hoặc thực vật

## Mô tả biện pháp

Ban hành thông báo hoặc hướng dẫn dựa trên **rủi ro**

Ban hành thông báo chỉ có thể áp dụng thống nhất **tại các điểm kiểm tra nhập có liên quan**

Thông tin về việc **chấm dứt hoặc hoãn** tăng cường kiểm soát/kiểm tra **phải được công bố** theo cách thức **dễ tiếp cận và không phân biệt đối xử**

Việc tăng cường mức độ kiểm soát và kiểm tra **được chấm dứt ngay khi** không còn hợp lý hoặc rủi ro có thể được quản lý theo cách thức không phân biệt đối xử với thương nhân

## Trách nhiệm

“**Có thể**”:

Quốc gia có quyền tự quyết định thực hiện vấn đề này

“**Phải, nếu cần thiết**” Bắt buộc thực hiện nhưng linh hoạt phụ thuộc vào phương pháp thực hiện

“**Phải**”

Bắt buộc thực hiện như mô tả

## Điều 5.1 – Thông báo tăng cường kiểm soát hoặc kiểm tra

### Không đề cập đến

Không cần yêu cầu phải có sẵn một hệ thống tăng cường thông báo/hướng dẫn

Không yêu cầu các thông báo phải được áp dụng thống nhất trên toàn lãnh thổ mà chỉ cần áp dụng đối với những điểm kiểm tra nhập khẩu có liên quan hoặc cần thiết

### đanh mục thực thi

Việc tăng cường kiểm soát/kiểm tra **được chấm dứt ngay khi** rủi ro tiềm ẩn không còn tồn tại hoặc có thể được quản lý theo cách thức hiệu quả hơn

**Thông tin** liên quan đến việc chấm dứt hoặc hoãn tăng cường kiểm soát/kiểm tra **được công bố theo cách thức không phân biệt đối xử và dễ tiếp cận**

Nếu hệ thống tăng cường thông báo/hướng dẫn có sẵn thì hệ thống đó có thể enhanced notification/guidance system is in place it may (ưu tiên) hoạt động **dựa trên rủi ro**



# 10

## Điều 5.2 – Tạm giữ

# Điều 5.2 – Tạm giữ

## Mô tả biện pháp

**Nhanh chóng thông báo** cho nhà nhập khẩu hoặc đại diện ủy quyền của người đó **trong trường hợp tạm giữ** hàng hóa nhập khẩu để **kiểm tra thường xuyên**<sup>1</sup>

- Hải quan và tất cả các cơ quan quản lý biên giới thực hiện kiểm tra hàng hóa
- Tạm giữ không bao gồm việc tịch thu để sung công
- Việc giao tiếp bằng lời cũng thỏa mãn việc tuân thủ quy định này

### Không đề cập đến

Không bắt buộc phải thông báo cho cơ quan có thẩm quyền của quốc gia xuất khẩu

### đanh mục thực thi

Phải có một **khuôn khổ thực thi quốc gia** sẵn sàng để đảm bảo các nhà nhập khẩu (hoặc đại diện) được thông báo nếu hàng bị tạm giữ

**Thực tế, các nhà nhập khẩu được thông báo kịp thời** nếu hàng của họ bị hải quan hoặc cơ quan có thẩm quyền khác tạm giữ hoặc kiểm tra

## Trách nhiệm

### “Phải”

Bắt buộc thực hiện như mô tả

# 11

## Điều 5.3 – Các thủ tục kiểm định

## Điều 5.3 – Các thủ tục kiểm định

**!** Chỉ áp dụng khi kết quả kiểm định đầu tiên sai khác so với khai báo

### Mô tả biện pháp

Cung cấp, theo yêu cầu, cơ hội để thực hiện **kiểm định (lần thứ hai) xác nhận**

- Trong trường hợp có sự không nhất quán giữa lần kiểm định đầu tiên và tờ khai hàng hóa nhập khẩu

**Công bố** theo cách thức dễ tiếp cận với **thông tin liên hệ của bất cứ phòng thí nghiệm** nào có thể thực hiện lần kiểm định thứ hai

**Xem xét kết quả lần kiểm định thứ hai** để thông quan và giải phóng hàng

**Chấp nhận kết quả** kiểm định (nếu cần) để thông quan và giải phóng hàng

### Trách nhiệm

#### “Có thể”

Quốc gia có quyền tự quyết định thực hiện vấn đề này

#### “Phải”

Bắt buộc thực hiện như mô tả

#### “Có thể, nếu cần thiết”

Quốc gia có quyền tự quyết định thực hiện vấn đề này

## Điều 5.3 – Các thủ tục kiểm định

### Không đề cập đến

Sự cần thiết phải thực hiện kiểm định xác nhận tại các phòng thí nghiệm **chính thức được ủy nhiệm**

Bắt buộc thực hiện kiểm định lần thứ hai tại **phòng thí nghiệm khác** so với nơi thực hiện lần kiểm định đầu tiên

Không yêu cầu **thành lập một phòng thí nghiệm** để tuân thủ quy định này

### danh mục thực thi

Phải có một **khôn khổ thực thi quốc gia** sẵn sàng cho phép thương nhân thực hiện kiểm định lần thứ hai

**Thông tin liên hệ** của bất cứ phòng thí nghiệm này có thể thực hiện được kiểm định lần thứ hai **phải được công bố và dễ tiếp cận**

**Kết quả** của lần kiểm định xác nhận được **xem xét** để thông quan và giải phóng hàng

Nếu cần, kết quả kiểm định xác nhận có thể được chấp nhận và có giá trị thông quan

# 14

## Điều 6.3 – Quy định về xử phạt

# Điều 6.3 – Quy định về xử phạt

## Mô tả biện pháp

Áp dụng quy định về xử phạt đối với vi phạm luật, quy định hoặc yêu cầu về thủ tục hải quan<sup>1</sup>

Xử phạt chỉ áp dụng đối với **người chịu trách nhiệm** đối với vi phạm đó

Xử phạt dựa trên **dữ liệu sự việc và bối cảnh của mỗi trường hợp** và **cân xứng** với mức độ và tính nghiêm trọng của vi phạm đó

**Tránh mẫu thuẫn về lợi ích** của quan chức chính phủ trong việc xác định và thu tiền phạt

**Thông tin bằng văn bản** được cung cấp dựa trên bản chất của vi phạm đó và là cơ sở để định lượng hình phạt

## Trách nhiệm

**“Phải”**

Bắt buộc thực hiện như mô tả



# Điều 6.3 – Quy định về xử phạt

## Mô tả biện pháp

Coi việc **tự nguyện khai báo** là một **tình tiết để giảm nhẹ**

## Trách nhiệm

**“Được khuyến khích”**  
Biện pháp nỗ lực tốt nhất

### Không đề cập đến

Văn bản không đề cập đến việc thống nhất **thời hạn** cho các thủ tục xử phạt ban đầu và **việc thanh toán tiền phạt nên được thực hiện như thế nào**

### danh mục thực thi

Hình phạt của Cơ quan Hải quan **chỉ áp dụng đối với những người chịu trách nhiệm về vi phạm đó**

Hình phạt được xác định theo và cân xứng với dữ liệu cụ thể và **bối cảnh của vi phạm**

Thực hiện các biện pháp **ngăn chặn mâu thuẫn về lợi ích** trong việc xác định và thu tiền phạt

**Giải thích bằng văn bản** được cung cấp cho đối tượng vi phạm phải nêu rõ bản chất vi phạm và phải hợp lý với lượng tiền phạt đó

**Cố gắng** để đảm bảo việc **tự nguyện khai báo** vi phạm được chấp nhận là **một tình tiết để giảm nhẹ tiền phạt**



# 15

Điều 7.1 – Xử lý  
trước khi hàng đến

# Điều 7.1 – Xử lý trước khi hàng đến

## Mô tả biện pháp

---

Thiết lập hoặc duy trì một **cơ chế** tạo điều kiện thuận lợi cho các thương nhân **nộp chứng từ nhập khẩu trước khi hàng đến**

Cho phép **nộp chứng từ điện tử trước**

## Trách nhiệm

---

### “Phải”

Bắt buộc phải thực hiện như mô tả

“**Phải, nếu cần thiết**” bắt buộc thực hiện nhưng linh hoạt tùy theo phương pháp thực hiện

## Điều 7.1 – Xử lý trước khi hàng đến

### Không đề cập đến

Các Thành viên có thể yêu cầu **chứng từ/dữ liệu khác cần thiết** hoặc hữu ích để quản lý rủi ro

Biện pháp không ảnh hưởng đến **quyền** Thành viên để **kiểm tra, thu hồi, giữ, tịch thu** hoặc giải quyết hàng hóa theo bất cứ cách thức nào, nếu không phải có sự nhất trí của WTO.

Biện pháp không yêu cầu phải **thành lập một đơn vị chức năng riêng** với nhân sự chuyên môn riêng.

### đanh mục thực thi

Phải có **khôn khổ thực hiện quốc gia** để nộp chứng từ nhập khẩu mà Hải quan hoặc các cơ quan quản lý biên giới khác yêu cầu để thông quan và giải phóng, trước khi hàng đến

**Pháp luật cho phép nộp** tờ khai hàng hóa và chứng từ bổ sung cần thiết **bằng điện tử**

Thủ tục Hải quan và thủ tục của các cơ quan quản lý biên giới khác có một **tiến trình công việc** để đảm bảo việc xử lý các tờ khai trước khi hàng đến.

# 16

## Điều 7.2 – Thanh toán điện tử

# Điều 7.2 – Thanh toán điện tử

## Mô tả biện pháp

Thiết lập hoặc duy trì một cơ chế cho phép các thương nhân **nộp thanh toán điện tử** về : **thuế, phí và lệ phí**

- Biện pháp này chỉ liên quan đến Hải quan
- Thanh toán điện tử có thể thực hiện theo bất cứ dạng thức nào (ví dụ: thẻ tín dụng, thanh toán trực tuyến, chuyển khoản ngân hàng, giải pháp qua điện thoại...)

## Trách nhiệm

**“Phải theo quy mô có thể áp dụng”**

Thực hiện tất cả các bước để thực thi biện pháp

## Không đề cập đến

**Phí và lệ phí** liên quan đến **vận tải quá cảnh**

## Danh mục thực thi

Phải có một **khuôn khổ thực hiện quốc gia** (tức là pháp luật, quy định hành chính, thủ tục) có sẵn phù hợp với thanh toán điện tử về thuế, phí và lệ phí khi nhập khẩu và xuất khẩu

Khuôn khổ thực hiện thanh toán điện tử **xem xét** các khía cạnh như **quy định pháp luật về hạn chế chậm thanh toán, việc đơn giản hóa và tiêu chuẩn hóa các thủ tục thanh toán, và dễ tiếp cận với các công cụ tài chính thương mại**

# 17

Điều 7.3 – Tách việc giải  
phóng hàng khỏi Quyết  
định cuối cùng và thanh  
toán thuế và phí Hải  
quan

## Điều 7.3 – Tách việc giải phóng hàng khỏi Quyết định cuối cùng và thanh toán thuế và phí hải quan

### Mô tả biện pháp

Thiết lập hoặc duy trì các thủ tục cho phép **giải phóng** hàng **trước Xác định cuối cùng** về thuế, phí và lệ phí hải quan

- Không hạn chế quyền của các Nước Thành viên để kiểm tra, giữ, thu hồi, tịch thu lô hàng

### Trách nhiệm

#### “Phải”

Bắt buộc thực hiện như mô tả

**Giải phóng hàng có thể được quy định dựa vào:**

- Việc thanh toán thuế, phí và lệ phí hải quan theo ước tính sơ bộ
- Bảo hiểm đối với hàng hóa (và/hoặc tiền phạt và hình phạt dự tính nếu liên quan) phải có mức độ phù hợp với thuế, phí và lệ phí hải quan

#### “Có thể”

Quốc gia có quyền tự quyết định việc thực hiện vấn đề này

## Điều 7.3 – Tách việc giải phóng hàng khỏi Quyết định cuối cùng và thanh toán thuế và phí hải quan

### Không đề cập đến

Nhà nhập khẩu **không thể yêu cầu** giải phóng hàng **dựa vào bảo lãnh**

### Danh mục thực thi

Phải có một **khuôn khổ thực thi quốc gia** có sẵn:

- Cho phép **giải phóng hàng**, nếu bảo lãnh đầy đủ, **trong trường hợp hoãn quyết định cuối cùng về thuế**
- Nêu rõ số lượng **bảo hiểm** cần thiết **tương đương với thuế** theo quyết định của Hải quan
- Khoản bảo lãnh được thanh toán không chậm trễ nếu không còn yêu cầu



# 18

## Điều 7.4 – Quản lý rủi ro

# Điều 7.4 – Quản lý rủi ro

## Mô tả biện pháp

**Thiết lập hoặc duy trì một hệ thống quản lý rủi ro** để thực hiện công tác kiểm soát hải quan đối với nhập khẩu, xuất khẩu và quá cảnh hàng hóa

**Hệ thống quản lý** với mục tiêu kiểm soát không phân biệt đối xử và không chuyên quyền độc đoán

**Tập trung** vào kiểm soát hải quan (và các cơ quan quản lý biên giới khác) đối với **lô hàng có rủi ro cao** và nhanh chóng giải phóng lô hàng có rủi ro thấp

Xác định rủi ro dựa vào **tiêu chí chọn lọc**

- Mã HS, mô tả bản chất hàng hóa, quốc gia xuất xứ, quốc gia hàng đến, trị giá hàng hóa, báo cáo tuân thủ của thương nhân, và loại phương tiện vận tải

## Trách nhiệm

**“Phải theo quy mô có thể thực hiện”**

Thực hiện tất cả các bước cần thiết để thực thi

**“Phải”**

Bắt buộc phải thực hiện như mô tả

**“Phải”**

Bắt buộc thực hiện như mô tả

**“Phải”**

Bắt buộc phải thực hiện như mô tả

## Điều 7.4 – Quản lý rủi ro

### Không đề cập đến

Biện pháp không yêu cầu hải quan xử lý **tự động** và không yêu cầu thiết lập một **đơn vị chức năng riêng** với nhân sự chuyên môn riêng

### Danh mục thực thi

**Pháp luật** yêu cầu Hải quan (và các cơ quan quản lý biên giới khác) áp dụng kiểm soát đối với hàng hóa thương mại và hàng quá cảnh trên cơ sở nguyên tắc quản lý rủi ro **có sẵn**

Pháp luật/chính sách **cho phép Hải quan** (và các cơ quan quản lý biên giới khác) quyền tự quyết định **để thực hiện kiểm soát trên cơ sở chọn lọc**

Quản lý rủi ro được thiết kế và áp dụng **để tránh chuyên quyền hoặc phân biệt đối xử vô lý** hoặc hạn chế trá hình trong thương mại quốc tế

Bất cứ quy định nào trong khuôn khổ thực thi quốc gia **yêu cầu kiểm tra hàng hóa 100% lô hàng** đều không phù hợp với quy định này

# 19

## Điều 7.5 – Kiểm tra sau thông quan

# Điều 7.5 – Kiểm tra sau thông quan

## Mô tả biện pháp

Thiết lập hoặc duy trì cơ chế nhằm đảm bảo sự tuân thủ của lô hàng **sau khi giải phóng hàng**

Lựa chọn lô hàng hoặc người và thực hiện kiểm tra theo cách thức **minh bạch** và **dựa trên rủi ro**

Nhanh chóng **thông báo** cho người bị kiểm tra **kết quả kiểm tra**, cơ sở kiểm tra và quyền và nghĩa vụ của họ

Sử dụng kết quả kiểm tra cho mục đích quản lý rủi ro

## Trách nhiệm

### “Phải”

Bắt buộc thực hiện như mô tả

### “Phải, nếu cần

**thiết”**: thực hiện tất cả các bước có thể để thực thi biện pháp này

## Điều 7.5 – Kiểm tra sau thông quan

### Không đề cập đến

**Cách thức** kiểm tra sau thông quan **không được nêu cụ thể** trong biện pháp và tùy thuộc vào **quyền tự quyết của Thành viên**

### Danh mục thực thi

Phải có **quy định pháp luật ủy quyền và yêu cầu** Hải quan thực hiện kiểm tra sau thông quan theo cách thức minh bạch

**Tiêu chí** được sử dụng để chọn ra người/lô hàng để kiểm tra sau thông quan **dựa trên tiêu chí rủi ro**

Việc kiểm tra được thực hiện **theo cách thức minh bạch**

**Cơ chế có sẵn** yêu cầu **gửi kết quả kiểm tra, cơ sở kiểm tra và quyền và nghĩa vụ** của người là đối tượng bị kiểm tra

Thủ tục được xây dựng nhằm đảm bảo **kết quả kiểm tra hợp nhất với quản lý rủi ro**

# 20

Điều 7.6 – Thiết lập và  
công bố thời gian giải  
phóng trung bình

# Điều 7.6 – Thiết lập và Công bố Thời gian giải phóng trung bình

## Mô tả biện pháp

Đo và công bố định kỳ, và theo một cách thức nhất quán, thời gian trung bình giải phóng hàng

- Bao gồm tất cả các yêu cầu qua biên giới (tức là toàn bộ thời gian từ khi hàng đến đến khi hàng rời khỏi điểm vượt qua đường biên)
- Thời gian trung bình có thể được tính tại địa điểm biên giới nhập khẩu cụ thể và/hoặc dựa vào trung bình quốc gia
- WCO - TRS là một trong những công cụ có thể được sử dụng để tính thời gian trung bình giải phóng hàng

Trao đổi các thông lệ tốt nhất về việc đo và giảm thời gian giải phóng hàng với Ủy ban

## Trách nhiệm

**“Được khuyến khích”**

Biện pháp nỗ lực tốt nhất

**“Được khuyến khích”**

Biện pháp nỗ lực tốt nhất



## Điều 7.6 – Thiết lập và Công bố thời gian trung bình giải phóng hàng

### Mô tả biện pháp

**Đo và công bố thời gian trung bình giải phóng hàng trên cơ sở thường xuyên và theo cách thức nhất quán**

- Thời gian trung bình giải phóng hàng bao hàm tất cả các yêu cầu qua biên giới và có thể được xem như toàn bộ khoảng thời gian từ khi hàng đến đến khi hàng rời khỏi điểm vượt qua biên giới

**Trao đổi thông lệ tốt nhất để đo và giảm thời gian giải phóng hàng với Ủy ban**

### Trách nhiệm

**Các Thành viên bắt buộc phải nỗ lực thực hiện quy định mặc dù việc thực thi không bắt buộc**

- Đây là biện pháp “cố gắng hết sức”

# 21

Điều 7.7 – Tạo thuận  
lợi thương mại cho  
Doanh nghiệp ưu  
tiên

# Điều 7.7 – Doanh nghiệp ưu tiên

## Mô tả biện pháp

**Tạo thuận lợi hơn** cho các doanh nghiệp được lựa chọn được gọi là “doanh nghiệp ưu tiên”<sup>1</sup>

- Ít nhất **3 biện pháp bên cạnh 7 biện pháp** được liệt kê trong văn bản

“Doanh nghiệp ưu tiên” có thể bao gồm **thương nhân** cũng như **các nhà cung cấp dịch vụ giao nhận khác** như đại lý hải quan, doanh nghiệp giao nhận hàng...

AO được chỉ định dựa trên cơ sở **tiêu chí chất lượng công khai mà không chuyên quyền hay phân biệt đối xử** như:

- Lý lịch tuân thủ luật và các quy định hải quan và liên quan khác
- Hệ thống quản lý hồ sơ để phục vụ việc kiểm soát nội bộ
- Khả năng thanh toán tài chính và việc cung cấp khoản bảo đảm và bảo lãnh đầy đủ
- An ninh chuỗi cung ứng

1. Như một sự lựa chọn, có thể yêu cầu các biện pháp tạo thuận lợi thông qua thủ tục hải quan và không sử dụng một cơ chế riêng

## Trách nhiệm

**“Phải”**

Bắt buộc thực hiện như mô tả

# Điều 7.7 – Doanh nghiệp ưu tiên

## Mô tả biện pháp

## Trách nhiệm

Tiêu chí chất lượng **không giới hạn việc tham gia SME** vào cơ chế AO

Cho phép các Thành viên khác có thể đàm phán để **thừa nhận lẫn nhau** các cơ chế AO tương ứng

**Trao đổi** chi tiết cơ chế AO với Ủy ban

Xây dựng cơ chế AO trên cơ sở tiêu chuẩn **int<sup>al</sup>**

**“Phải”**







Bắt buộc thực hiện như mô tả

**“Được khuyến khích”**

Biện pháp nỗ lực tốt nhất

# Điều 7.7 – Danh sách các biện pháp tạo thuận lợi thương mại đối với Doanh nghiệp ưu tiên (AO)

**Tạo thuận lợi phải bao gồm ít nhất ba trong số các biện pháp sau:**

- Giảm các yêu cầu về chứng từ và dữ liệu phù hợp
-  Giảm thanh tra và kiểm tra thực tế một cách phù hợp
-  Thời gian giải phóng hàng nhanh, phù hợp
-  Thanh toán chậm các khoản thuế, phí và lệ phí;
-  Sử dụng bảo lãnh cộng gộp hoặc giảm bảo lãnh
-  Một tờ khai chung cho tất cả hàng nhập khẩu hoặc xuất khẩu trong một giai đoạn nhất định
-  Thông quan hàng hóa tại trụ sở của doanh nghiệp ưu tiên hoặc tại một nơi khác được cơ quan Hải quan ủy quyền.

## Điều 7.7 – Doanh nghiệp ưu tiên

### Không đề cập đến

Không ngăn cản **quyền chủ quyền** của Thành viên trong việc **lựa chọn doanh nghiệp ưu tiên** trên cơ sở **tiêu chí đã được công bố**

### Danh mục thực thi

**Pháp luật** cho phép Hải quan tạo thuận lợi hơn nữa cho doanh nghiệp ưu tiên

**Tiêu chí** lựa chọn dựa trên việc tuân thủ theo **tiêu chuẩn quốc tế đã được công bố**

Pháp luật không ủng hộ việc **phân biệt đối xử vô lý** hoặc hạn chế chỉ đối với một số quốc gia và dựa trên kích cỡ hoặc khối lượng thương mại (tức là cần phải dễ tiếp cận với SMEs)

**Xác định và công bố điều kiện và thủ tục** trợ cấp, sửa đổi bổ sung hoặc chấm dứt tình trạng doanh nghiệp ưu tiên

Thiết lập các thủ tục để **gia hạn các điều kiện** cụ thể để trở thành **Doanh nghiệp ưu tiên**

Pháp luật cho phép các Thành viên đàm phán với các Thành viên khác để **công nhận lẫn nhau** về cơ chế doanh nghiệp ưu tiên

**Thông tin** về cơ chế AO như đã được trao đổi với Ủy ban

# 23

## Điều 7.9 – Hàng hóa dễ hư hỏng

# Điều 7.9 – Hàng hóa dễ hư hỏng

## Mô tả biện pháp

**Giải phóng hàng trong khoảng thời gian ngắn nhất có thể**

- Ngoài thời gian làm việc thông thường của doanh nghiệp phụ thuộc vào từng trường hợp

**Ưu tiên** kiểm tra hàng hóa dễ hư hỏng trước các lô hàng khác

Đảm bảo **lưu kho thích hợp** – do Nước Thành viên hoặc nhà nhập khẩu<sup>1</sup> quy định – cho tới khi giải phóng hàng

Cho phép – theo yêu cầu bằng văn bản – **thông quan tại cơ sở kho hàng**

**Đưa ra giải thích nếu việc giải phóng hàng bị hoãn**

- Theo yêu cầu bằng văn bản của nhà nhập khẩu

## Trách nhiệm

**“Phải”**

Bắt buộc thực hiện như mô tả

**“Phải, nếu cần thiết và phù hợp với pháp luật trong nước”**

**“Phải, theo quy mô có thể thực hiện”**

thực hiện tất cả các bước để thực thi vấn đề này



## Điều 7.9 – Hàng hóa dễ hư hỏng

Không đề cập đến

Không đề cập đến '**Các trường hợp ngoại lệ**'

Không đề cập rõ ràng **cơ quan** nào giải quyết biện pháp này

- Các cơ quan đó được hiểu là Hải quan và các cơ quan chính phủ về an toàn động vật/SPS/y tế/môi trường

Không hạn chế về **phí**

## Điều.7.9 – Hàng hóa dễ hư hỏng

### Danh mục thực thi

Thủ tục giải phóng được tạo thuận lợi đối với hàng hóa dễ hư hỏng trong các hoàn cảnh thông thường.

Trong các tình huống ngoại lệ, thủ tục giải phóng được tạo thuận lợi đối với hàng hóa dễ hư hỏng được thực hiện ngoài giờ làm việc hành chính.

Ưu tiên đối với hàng hóa dễ hư hỏng được cung cấp khi thực hiện bất kỳ một kiểm tra nào.

**Cơ sở hạ tầng lưu kho thích hợp đối với hàng hóa dễ hư hỏng là sẵn có**

Các nhà nhập khẩu có trách nhiệm sắp xếp các cơ sở hạ tầng lưu kho được thông qua hoặc chỉ định bởi các cơ quan liên quan.

**Thủ tục để giải phóng hàng dễ hư hỏng là sẵn có.**

Dựa trên yêu cầu thì khả năng cung cấp một bản giải thích về lí do của bất kỳ sự chậm trễ nào trong giải phóng hàng hóa dễ hư hỏng được thông qua.

# 24

Điều.8 – Hợp tác  
các cơ quan biên  
giới

# Điều.8 – Hợp tác các cơ quan biên giới

## Mô tả biện pháp

Đảm bảo hợp tác và phối hợp giữa các cơ quan biên giới quốc gia

Hợp tác ở cấp quốc tế, về các điều khoản thống nhất hỗ trợ lẫn nhau với các quốc gia khác có chung biên giới, bao gồm:

- Thống nhất về ngày giờ làm việc
- Thống nhất thủ tục thực hiện
- Phát triển và chia sẻ các cơ sở hạ tầng chung
- Kiểm tra chung
- Thành lập kiểm soát một lần dừng qua biên giới.

## Trách nhiệm

### “Phải”

Có trách nhiệm triển khai như đã mô tả

### “Phải trong phạm vi có thể và khả thi”

Thực hiện tất cả các bước khả thi hướng đến việc triển khai

# Điều.8 – Hợp tác các cơ quan biên giới

## Mô tả biên pháp

**Đảm bảo hợp tác và phối hợp giữa các cơ quan biên giới quốc gia**

**Thực hiện các bước để hợp tác phối hợp các thủ tục với quốc gia láng giềng. Bao gồm:**

- Thống nhất về ngày giờ làm việc
- Thống nhất thủ tục thực hiện
- Phát triển và chia sẻ các cơ sở hạ tầng chung
- Kiểm tra chung
- Thành lập kiểm soát một lần dừng qua biên giới

## Trách nhiệm

**Các quốc gia thành viên có trách nhiệm đảm bảo sự phối hợp ở cấp quốc gia**

Ở cấp quốc tế, các quốc gia thành viên thực hiện linh hoạt, coi việc triển khai là một điều kiện trong phạm vi có thể và khả thi.

# Điều.8 – Hợp tác các cơ quan biên giới

## Không đề cập đến

**Phạm vi của hợp tác ở cấp quốc gia/quốc tế không được xác định.**

- Các ví dụ đưa ra là một nội dung được chỉ rõ.

**Hài hòa hóa thủ tục và các yêu cầu chứng từ bởi cơ quan quốc gia xử lý đối với xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh hàng hóa.**

Trong trường hợp của hợp tác quốc tế, không phải:

- Thiết lập các quy trình thúc đẩy và cơ sở hạ tầng riêng đối với quá cảnh.
- **Trao đổi thông tin về kiểm tra chung, nhận biết kết quả kiểm tra.**

## Danh mục thực thi

Khung triển khai quốc gia được đưa ra để đảm bảo rằng tất cả các cơ quan quốc gia có trách nhiệm đối với các kiểm soát và thủ tục biên giới cần hợp tác và phối hợp với nhau.

Mức độ hợp tác tối thiểu (được yêu cầu) với các quốc gia khác được chỉ rõ, qua đó chia sẻ các điểm qua biên giới chung nếu có thể và khả thi.

1. This issue is covered under Measure 26 "Formalities and documentation requirements"
2. Such as transit lanes or berths

# 28

Điều.10.3 – Sử dụng các  
tiêu chuẩn quốc tế

# Điều.10.3 – Sử dụng các tiêu chuẩn quốc tế

## Mô tả biện pháp

Thủ tục xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh quốc gia, các yêu cầu chứng từ, dữ liệu dựa trên các tiêu chuẩn quốc tế.

Các tổ chức tham gia chuẩn bị và rà soát định kỳ các tiêu chuẩn quốc tế liên quan bởi.

## Trách nhiệm

**“Được khuyến khích”**

Biện pháp nỗ lực tốt nhất

**“Được khuyến khích, trong giới hạn của các nguồn lực”**

Nỗ lực tốt nhất liên kết với các nguồn lực có sẵn



## Điều.10.3 – Sử dụng các tiêu chuẩn quốc tế

### Không đề cập đến

Không ngoài thủ tục xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh và các yêu cầu về chứng từ/ dữ liệu.

Không tham khảo các tiêu chuẩn cụ thể, tuy nhiên cần:

- Kế hoạch UN, Bộ dữ liệu thương mại của UN, Mô hình dữ liệu của WCO
- Tiêu chuẩn vận tải và thương mại của UNECE

**Không bắt buộc để tuân theo một tiêu chuẩn quốc tế cụ thể**

- Có thể được điều chỉnh với chính sách thương mại quốc tế của quốc gia và hợp tác thông qua các đối tác thương mại.

### Danh mục thực thi

Khung triển khai quốc gia được đưa ra để đảm bảo rằng các hình thức, thủ tục xuất, nhập khẩu, quá cảnh dựa trên các tiêu chuẩn quốc tế và các cập nhật tương lai.

Các giai đoạn được thực hiện để hướng đến đánh giá định kỳ về các chuẩn mực quốc tế liên quan bởi các tổ chức quốc tế.

# 29

## Điều 10.4 – Một cửa

# Điều 10.4 – Một cửa

## Mô tả phạm vi

Thiết lập hoặc duy trì một điểm vào duy nhất thông qua đó doanh nghiệp sẽ chỉ nộp tài liệu và/ hoặc dữ liệu một lần cho tất cả các cơ quan quản lý biên giới qua đó cơ quan này sẽ trả lời kịp thời

Cơ quan biên giới không thể yêu cầu dữ liệu/ tài liệu **đã được nộp thông qua Một cửa**

**Chia sẻ chi tiết Ủy ban WTO** của việc vận hành Một cửa

Sử dụng **công nghệ thông tin** để hỗ trợ Một cửa

## Trách nhiệm

### “Phải cố gắng”

Việc thực hiện không bắt buộc, nhưng bắt buộc phải nỗ lực thực hiện

### “Phải”

Bắt buộc thực hiện theo mỗi mô tả

### “Phải đến mức tối đa khả thi”

thực hiện tất cả các bước khả thi hướng tới thực hiện

## Điều 10.4 – Một cửa

### Không đề cập đến

Không cần kiểm tra một cửa điện tử

Không yêu cầu **chuyển đổi ngay lập tức tất cả các thủ tục và các cơ quan**

- Các quốc gia có thể phát triển hệ thống một cửa dần dần

Không bắt buộc sử dụng các tiêu chuẩn quốc tế liên quan để làm cơ sở cho các chương trình một cửa

### Danh mục thực thi

Có một **nỗ lực đáng kể khi thiết lập** một điểm vào duy nhất cho doanh nghiệp để chỉ nộp một lần hồ sơ/ dữ liệu và, sau đó, nhận phản hồi từ tất cả các cơ quan trong Một cửa

Bản kế hoạch cụ thể và chính thức được lập để liên kết sự tham gia của tất cả các cơ quan liên quan vào hệ thống một cửa quốc gia (nếu chưa triển khai)

Chi tiết các hoạt động của Một cửa được **thông báo** cho Ủy ban TF WTO

Công nghệ thông tin được sử dụng ở mức tối đa và thiết thực trong việc hỗ trợ một cửa quốc gia

Xây dựng và công khai "**Trường hợp khẩn cấp và một số ngoại lệ hạn chế khác**" về việc yêu cầu bất kỳ tài liệu một lần nữa.

# 30

Điều 10.5 – Kiểm tra  
trước khi xuất hàng

# Điều 10.5 – Kiểm tra trước khi xuất hàng

## Định nghĩa Nghĩa vụ

### Mô tả phạm vi

**Không bắt buộc sử dụng** kiểm tra trước khi xuất hàng cho phân loại thuế và trị giá hải quan<sup>1</sup>

Cấm giới thiệu hoặc áp dụng **các yêu cầu mới để sử dụng PSI**



### “Phải”

Bắt buộc thực hiện theo mỗi mô tả

### “Được khuyến khích”

Biện pháp nỗ lực tốt nhất

### Không đề cập đến

Sử dụng **kiểm tra trước khi xuất hàng ngoài kiểm tra hải quan**

Sử dụng kiểm tra trước khi xuất hàng cho các mục đích khác ngoài phân loại thuế và trị giá hải quan

### Danh mục thực thi

Quy định trong khuôn khổ thực hiện quốc gia **không yêu cầu PSI** cho phân loại thuế và trị giá hải quan, nếu đã được sử dụng

Nếu không sử dụng, không cần làm gì nhưng **cam kết không đưa vào**

Không ảnh hưởng đến quyền lợi của thành viên sử dụng các loại kiểm tra trước không thuộc khoản trên (ví dụ theo Hiệp định Kiểm tra trước khi xuất hàng, hoặc kiểm tra trước khi xuất hàng cho các mục đích SPS)

# 33

Điều 10.8 – Hàng hóa  
bị từ chối

# Điều 10.8 – Hàng hóa bị từ chối

## Mô tả phạm vi

Cung cấp nhà nhập khẩu khả năng đưa lại hàng hóa cho nhà xuất khẩu hoặc gửi lại hàng, nếu bị từ chối trên cơ sở không thực hiện được để phù hợp với SGS hoặc tiêu chuẩn kỹ thuật

## Trách nhiệm

“Phải, phải chịu và nhất quán với luật và quy định”

Nếu nhà NK không thực hiện được việc đưa lại hàng hóa cho nhà XK trong một khoảng thời gian hợp lí, cơ quan chức năng có thể cho phép thực hiện khác

- Ví dụ phá hủy hàng hóa

“Có thể”

Quốc gia đó có thể tự do thực hiện mục này

## Không đề cập đến

Trách nhiệm đối với nước XK để chấp nhận hàng hóa bị từ chối.

## Danh mục thực thi

Khung thực thi quốc gia được đưa ra đảm bảo nhà NK có cơ hội trả lại hàng bị từ chối hoặc gửi hàng lại trong một khoảng thời gian hợp lí.

1. This measure concerns, in particular, standards of health and environmental protection



# 34

Điều 10.9 – Cho phép  
nhập khẩu miễn thuế  
tạm thời và gia công  
trong nước và gia  
công xuất khẩu

# Điều 10.9 – Cho phép nhập khẩu miễn thuế tạm thời và gia công trong nước và gia công xuất khẩu

## Mô tả phạm vi

Giải phóng hàng mà **không** chịu thuế nhập khẩu trong một **giai đoạn** và **predefine** được xác định trước

- Ví dụ hàng hóa được dự kiến tái xuất
- Căn cứ theo an ninh/bảo đảm

Phương tiện để giải phóng hàng có điều kiện mà **không chịu thuế được nhập khẩu để gia công thêm** (gia công trong nước)

- Căn cứ theo an ninh cho lần xuất khẩu tiếp theo

Phương tiện để tạm xuất cho mục đích sản xuất hoặc sửa chữa và tái nhập không chịu thuế hải quan toàn bộ hoặc một phần

- Hàng hóa được sản xuất trong nước hoặc nhập khẩu từ trước

## Trách nhiệm

**“Phải cho phép miễn là phù hợp với luật và quy định”**

Việc thực hiện được quy định theo luật quốc gia ưu tiên hơn nghĩa vụ thực hiện

# Điều 10.9 – Cho phép nhập khẩu miễn thuế tạm thời và gia công trong nước và gia công xuất khẩu

## Không đề cập đến

Phạm vi này không yêu cầu các Thành viên được phép giải phóng hàng mà không có bất kỳ điều kiện hoặc an ninh nào

Phạm vi này không quy định cụ thể loại điều kiện/bảo đảm trên TA, IP và OP

## Danh mục thực thi

Quy định luật và thủ tục đối với **thông quan hàng hóa mà không chịu thuế nhập khẩu với mục đích cụ thể**

Quy định luật và thủ tục cho phép tạm xuất khẩu hàng hóa với mục đích cụ thể và tái nhập hàng hóa không chịu thuế

Quy định luật và thủ tục thông quan hàng hóa không chịu thuế nhập khẩu trong một giai đoạn cụ thể và sử dụng tùy theo điều kiện

# 35

## Điều 11 – Tự do quá cảnh

# Quá cảnh theo thông báo Loại A

- Điều 11.1-3 Phí, Quy định và Thủ tục quá cảnh
- Điều 11.4 Tăng cường tình trạng không phân biệt đối xử khi quá cảnh
- Có thể nằm một phần trong Điều 11, đoạn 5 đến 10.

# Điều 11 – Tự do quá cảnh

## Mô tả phạm vi

Danh mục **các quy tắc** được áp dụng đối với **hàng hóa khi quá cảnh**

- Thủ tục, hồ sơ tài liệu và kiểm soát được đơn giản hóa/ giới hạn
- Không hạn chế số lượng hàng hóa quá cảnh và áp dụng quy tắc quá cảnh<sup>1</sup>
- Không phân biệt với khối lượng hàng hóa nhập khẩu hoặc giữa các hàng hóa của các quốc gia thành viên
- Kiểm soát từ lúc bắt đầu và kết thúc quá cảnh
- Phí giao thông vận tải và phí dịch vụ quản lý
- Không kiểm soát chất lượng đối với hàng hóa quá cảnh
- Quy định về bảo đảm quá cảnh<sup>2</sup> và hộ tổng hải quan

## Trách nhiệm

**“Phải”**

Bắt buộc thực hiện theo mỗi mô tả

1. « Không ảnh hưởng đến quy định quốc gia hiện tại và tương lai, các tổ hợp song phương hoặc đa phương liên quan đến giao thông vận tải nhất quán với các quy định của WTO » (§3)

# Điều 11 – Tự do quá cảnh

## Mô tả phạm vi

Tạo ra cơ sở hạ tầng **riêng biệt đối với khối lượng hàng hóa khi quá cảnh** (ví dụ đường dành cho xe, chỗ tàu bỏ neo...)

**Hợp tác và điều phối** với các quốc gia khác để nâng cao tự do quá cảnh

Chỉ định **người điều phối quốc gia về quá cảnh**

## Trách nhiệm

**“Được khuyến khích”**

Biện pháp nỗ lực tốt nhất

**“Phải nỗ lực”**

Việc thực hiện không bắt buộc, nhưng bắt buộc phải nỗ lực thực hiện

**“Phải nỗ lực”**

Việc thực hiện không bắt buộc, nhưng bắt buộc phải nỗ lực thực hiện

# Tự do quá cảnh – Bảng liệt kê danh mục cần kiểm tra thực hiện

- Thủ tục, quy định và hình thức quá cảnh KHÔNG kém thuận tiện hơn so với các thủ tục về xuất khẩu hoặc nhập khẩu
- Hạn chế liên quan đến quá cảnh KHÔNG cao hơn mức cần thiết và có thể bỏ qua các hạn chế này khi có sự thay đổi về hoàn cảnh và/mục tiêu
- Việc quá cảnh được miễn hải quan và các thuế khác ngoại trừ các chi phí hợp lý về phí quản lý và giao thông vận tải<sup>1</sup>
- Hàng hóa quá cảnh không chịu kiểm soát chất lượng hoặc kiểm soát tuân thủ chất lượng kỹ thuật
- Khi hàng hóa được quyền xuất phát từ địa điểm ban đầu không phải chịu chi phí, thủ tục và kiểm tra hải quan nào khác cho đến khi quyết định quá cảnh ở điểm xuất phát tại quốc gia đó.
- Cơ quan hải quan nơi hàng hóa quá cảnh xuất cảnh khỏi quốc gia sẽ nhanh chóng hoàn thành việc quá cảnh nếu đáp ứng được yêu cầu quá cảnh
- Việc bảo đảm đối với hàng hóa khi quá cảnh được cho phép và được dỡ hàng nhanh chóng
- Chỉ định người điều phối quá cảnh quốc gia



# 36

Điều 12 – Hợp tác  
trong lĩnh vực Hải  
quan

# Điều 12 – Hợp tác trong lĩnh vực Hải quan

## Mô tả phạm vi

**Chia sẻ thông tin** và các bài học tốt nhất về quản lý tuân thủ hải quan và hợp tác về hướng dẫn kỹ thuật hoặc hỗ trợ xây dựng năng lực



**“Được khuyến khích”**

Biện pháp nỗ lực tốt nhất

**Trao đổi thông tin và tài liệu** tùy thuộc vào điều kiện và giới hạn cho phép<sup>1</sup>



**“Phải”**

Bắt buộc thực hiện theo mỗi mô tả

**Thông báo** cho WTO đầu mối liên lạc để trao đổi thông tin và tài liệu



**“Phải”**

Bắt buộc thực hiện theo mỗi mô tả

# Điều 12 – Hợp tác trong lĩnh vực Hải quan

## Trách nhiệm

### Mô tả phạm vi

Thực hiện **thẩm tra nội bộ** phù hợp trước khi đưa ra yêu cầu



### “Phải”

Bắt buộc thực hiện theo mỗi mô tả

Nộp **bản yêu cầu bằng giấy** bằng một trong những **ngôn ngữ chính thức của WTO** hoặc **ngôn ngữ được cả hai quốc gia chấp nhận**



### “Phải”

Bắt buộc thực hiện theo mỗi mô tả

**Cung cấp yêu cầu thông tin về:**

- Vấn đề và lý do đối với yêu cầu này
- Thông tin cụ thể và/hoặc tài liệu được yêu cầu
- Mục đích của thông tin được yêu cầu
- Sự đồng nhất và yêu cầu về pháp luật của việc đưa ra yêu cầu chính thức
- Các điều khoản pháp luật có thể áp dụng trong luật nội địa, bao gồm các điều khoản liên quan đến tính bảo mật



### “Phải”

Bắt buộc thực hiện theo mỗi mô tả

...

# Điều 12 – Hợp tác trong lĩnh vực Hải quan

## Mô tả phạm vi

## Trách nhiệm

Sử dụng thông tin nhận được **chỉ với mục đích được yêu cầu** nếu không được sự đồng ý khác



**“Phải”**

Bắt buộc thực hiện theo mỗi mô tả

Xử lý **mật** những thông tin nhận được

- Ít nhất bảo vệ thông tin đó giống như sự bảo vệ của quốc gia được yêu cầu,
- Và không công bố thông tin đó cho bên thứ 3 nếu không được sự cho phép cụ thể của quốc gia được yêu cầu



**“Phải”**

Bắt buộc thực hiện theo mỗi mô tả

Nộp yêu cầu về ra quyết định đối với bất kỳ vi phạm nào trong thời gian cho phép theo pháp luật quốc gia của nước được yêu cầu



**“Phải”**

Bắt buộc thực hiện theo mỗi mô tả

Nộp **số lượng yêu cầu hợp lý** trong phạm vi phù hợp

- Tính đến khả năng nguồn lực của quốc gia được yêu cầu



**“Phải”**

Bắt buộc thực hiện theo mỗi mô tả

# Điều 12 – Hợp tác trong lĩnh vực Hải quan

## Mô tả phạm vi

## Trách nhiệm

Trả lời văn bản **bằng giấy hoặc bản điện tử**

Nếu yêu cầu bị từ chối, nêu cụ thể lý do từ chối  
**Cung cấp thông tin** về xuất khẩu hoặc nhập khẩu cùng với các hồ sơ tài liệu (hoặc cung cấp bản sao của các hồ sơ đó)

- Hóa đơn thương mại, bản khai đóng gói hàng hóa, chứng nhận xuất xứ và vận đơn

Xác nhận rằng hồ sơ cung cấp là bản sao chính xác của hồ sơ đó

Trả lời yêu cầu này **trong thời gian hợp lý** (khoảng 90 ngày) từ ngày nhận được yêu cầu



**“Phải”**

Bắt buộc thực hiện theo mỗi mô tả

# Điều 12 – Hợp tác trong lĩnh vực Hải quan

**Quốc gia yêu cầu có thể từ chối yêu cầu trong một số trường hợp sau:**

- Nếu trái với luật của quốc gia đó, cụ thể bộ luật về tính bảo mật của thông tin được yêu cầu
- Nếu quốc gia được yêu cầu nhận thấy yêu cầu đó vi phạm chủ quyền, an ninh, chính sách công hoặc các lợi ích quan trọng khác.
- Nếu việc cung cấp thông tin đó ảnh hưởng đến công tác quản lý hoặc điều tra, truy tố, khởi kiện liên quan đến pháp luật.
- Nếu quốc gia yêu cầu không thể tuân thủ yêu cầu tương tự trong trường hợp quốc gia được yêu cầu đã thực hiện yêu cầu đó
- Nếu hai quốc gia là một phần thuộc thỏa thuận song phương hoặc khu vực liên quan đến chia sẻ thông tin hải quan, trong trường hợp thỏa thuận đó có giá trị cao hơn và không đồng nhất với các quy định WTO.

# Điều 12 – Hợp tác trong lĩnh vực Hải quan

## Không đề cập đến

Quốc gia được yêu cầu **không có nghĩa vụ**:

- Thay đổi biểu mẫu tờ khai hoặc thủ tục
- Yêu cầu các hồ sơ khác ngoài những hồ sơ được nộp kèm với tờ khai
- Đưa ra các câu hỏi để lấy thông tin;
- Thay đổi giai đoạn lưu giữ thông tin đó
- Đưa ra hồ sơ tài liệu bằng giấy mà những hồ sơ này đã có bản điện tử;
- Cung cấp bất kỳ thông tin nào để công bố mà không được phép theo luật và quy định trong nước; hoặc
- Dịch thông tin và/hoặc hồ sơ

## Danh mục thực thi

Thông báo đầu mối liên lạc để trao đổi thông tin/hồ sơ cho WTO

Xác định rõ thủ tục để trả lời cơ quan Hải quan khác

Giải quyết các vấn đề liên quan đến bảo mật một cách rõ ràng

# Trân trọng cảm ơn